

Tên: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

## EM học việt ngữ

Một hôm, Mai và Tâm đến hỏi ông rằng:” Chúng cháu ở Mỹ thì học tiếng Việt để làm gì, thưa ngoại ?” Ông ngoại mỉm cười, chậm rãi đáp:” Các cháu đã hỏi ông bằng tiếng Việt, ông trả lời cũng bằng tiếng Việt: vậy có phải ông cháu ta cùng một cội nguồn dân tộc không?”

“ Các cháu cần phải học Việt ngữ để biết đọc tiếng Việt. Các cháu có thể hiểu được tất cả sách báo ông ngoại đã mua: nào lịch sử, địa lý; nào nhân văn, cổ tích; nào tập quán, phong tục... bao nhiêu là tinh hoa của dân tộc trải hơn bốn nghìn năm văn hiến. Qua đó, các cháu mới thấy được nhờ đâu mà dân tộc ta còn-**nhờ tiếng nói ta còn**- dù rằng chúng ta đang sống xa tổ quốc.”

“ Kìa như người Tàu, người Nhật, hay người Do Thái...họ cũng đã đến đây lập nghiệp hoặc tị nạn như ông cháu mình nhưng họ vẫn giữ gìn được tiếng nước họ. Nhờ vậy mà văn hóa của mỗi dân tộc vẫn được phổ biến trên đất nước này một cách tốt đẹp.”

“ Khi các cháu hiểu được và giữ được tinh thần văn hóa Việt Nam, các cháu không quên cái gốc của mình, cái nguồn đạo đức của tổ tiên nghìn năm gìn giữ. Các cháu học sinh Việt Nam ở đây rất chăm học, có lễ độ, khiến cho thầy cô và bạn bè khắp nơi cảm mến. Đó là nhờ cha mẹ các cháu noi theo truyền thống văn hóa của tổ tiên mà dạy bảo các cháu đấy!”

“Để khỏi quên tiếng nói, trong gia đình, cha mẹ và con cái nên nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt. Hàng tuần, các cháu nên cố gắng bỏ ra một số giờ đi học trường Việt ngữ và làm bài tập ở nhà nhằm rèn luyện kỹ năng tiếng Việt của mình, ngõ hầu mai sau có thể giúp đỡ cộng đồng có bước tiến mạnh hơn.”

### Ngữ vựng:

- \*Cội nguồn (source, root): cái gốc, nơi phát sinh ra.
- \*Lịch sử (history): những sự kiện quan trọng xảy ra trong quá khứ.
- \*Địa lý (geography): đặc điểm về đất đai, sông núi.
- \*Nhân văn (human civilization): thuộc về văn hóa của con người.
- \*Cổ tích (old story): những chuyện xưa.
- \*Tập quán (habit): thói quen đã có từ lâu trong đời sống.
- \*Phong tục (custom): lối sống đã thành nề nếp, được mọi người công nhận.

## Bài 2: Em học Việt ngữ

- \*Người Tàu (Chinese)
- \*Người Nhật (Japanese)
- \*Người Do Thái (Isrealite)
- \*Tinh hoa (quintessence): phần tốt đẹp nhất.
- \*Văn hiến (civilization): truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp.
- \*Lập nghiệp (to settle): làm ăn, sinh sống.
- \*Tị nạn (be a refugee): bỏ đi để lánh nạn.
- \*Văn hóa (culture): giá trị vật chất, tinh thần do con người tạo ra.
- \*Phổ biến (to publisize): làm cho nhiều người biết đến.
- \*Đạo đức (morality): phẩm chất tốt đẹp của con người.
- \*Lễ độ (courtesy): phép tắc xã giao.
- \*Truyền thống (tradition): thói quen tốt đẹp được lưu giữ từ đời qua đời khác.
- \*Cố gắng (make an attempt): đem hết sức ra.
- \*Rèn luyện (practice): luyện tập cho thành thạo.
- \*Kỹ năng (skill): khả năng vận dụng hiểu biết vào thực tế của việc làm.
- \*Cộng đồng (community): những người sống thành xã hội, gắn bó thành một khối

### **Văn phạm:**                      **Danh từ** (tiếp theo)

- 1-Danh từ chung (common noun): thường được viết bằng chữ thường (small letter): nhà, xe, danh dự...
- 2-Danh từ riêng (proper noun): thường được viết bằng chữ hoa (capital letter): Do Thái, Ngày của Mẹ...

### **Học thuộc lòng:**

Em học Việt ngữ  
Tiếng Việt còn, người Việt còn,  
Đó là tiếng mẹ cháu con giữ gìn.  
Tiếng Việt là cả niềm tin,  
Quê hương, đất nước in hình trong ta.  
Tiếng Việt là nước, là nhà,  
Là hồn dân tộc của ta muôn đời.

### **Tục ngữ:**

- Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.
- Tiên học lễ, hậu học văn.